TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:732/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2019
V/v "Ly hôn giữa bà H. và ông P."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Xuân Đào
2. Bà Lê Ngọc Như Chi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nguyên - Cán bộ Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 434/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2019/QĐXX-ST ngày 04/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2019/QĐ-HPT ngày 24/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H., sinh năm 1988;
HKTT: ấp Xẻo Kè, xã Thạnh Yên, huyện U, tỉnh K.
Địa chỉ: 100 đường X, phường A, quận B, TP.HCM
Bò ñôn: Ông Lương Văn P., sinh năm 1982
HKTT: Thôn 8, xã Vụ Quang, huyện Đ, tỉnh P.
Địa chỉ: 347 đường G, Phường 5, Quận D, TPHCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 14/6/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 29/7/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H. trình bày: Bà và ông P. tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn (giaáy chöùng nhaän keát hoân soá 03, quyển số 01, ngaøy 09/01/2009 do UBND xã Thạnh Yên, huyện U, tỉnh K cấp), có hai con chung tên Lương Thanh N., sinh ngày 18/6/2009, Lương Vũ Thùy V., sinh ngày 03/5/2013.

Theo bà H. trình bày vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống giữa hai bên không phù hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã. Khi mâu thuẫn ông P. thường xuyên xua đuổi bà ra khỏi nhà, bà đã nhiều lần nhẫn nhịn nhưng ông P. không thay đổi, năm 2010 bà đã bồng con trai về nhà mẹ ruột nhưng sau đó ông P. đến xin lỗi

mong bà bỏ qua, vì thương con bà quay về sống chung nhưng cách hành xử của ông P. vẫn thế, theo bà cuộc sống của vợ chồng trong thời gian qua không còn tôn trọng và quan tâm nhau. Do không giải quyết được mâu thuẫn giữa hai bên nên từ tháng 3/2019 đến nay bà đã dẫn hai con về nhà mẹ ruột để sinh sống. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông Lương Văn P..

Về con chung: Bà H. yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con Lương Thanh N., sinh ngày 18/6/2009, Lương Vũ Thùy V., sinh ngày 03/5/2013. Không yêu cầu ông P. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H. xác định không có.

Phía bị đơn ông Lương Văn P. trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 29/7/2019: Trong quá trình chung sống với bà H. hai bên có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng phải ly hôn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng. Ông cũng xác nhận từ tháng 3/2019 đến nay bà H. đã dẫn 2 con về nhà Ngoại để sống. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của bà H. ông không đồng ý, vì hai con còn nhỏ nên ông muốn gia đình hàn gắn để cùng chăm sóc nuôi dạy hai con.

Về con chung: Trường hợp Tòa xử cho ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi hai con Lương Thanh N., sinh ngày 18/6/2009, Lương Vũ Thùy V., sinh ngày 03/5/2013. Không yêu cầu bà H. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P. xác định không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H. vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Lương Văn P., về con chung: yêu cầu được nhận nuôi hai con chung, không yêu cầu ông P. cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông Lương Văn P. vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đúng thẩm quyền xét xử, việc tống đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định… của Tòa cho các đương sự hợp lệ, đúng với quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn, đúng địa điểm, thành phần, đảm bảo thời gian luật quy định, thành phần những người tiến hành tố tụng không thuộc trường hợp phải thay đổi. Xét thấy, theo lời trình bày của bà H. thì ông P. là người sống gia trưởng, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thì lại xua đuổi vợ ra khỏi nhà, trong thời gian ly thân vừa qua cũng không thể hiện được phương án hòa giải hàn gắn gia đình chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà

Nguyễn Thị Thu H. được ly hôn với ông Lương Văn P., về con chung, từ tháng 3/2019 đến nay bà H. đã dẫn con về nhà mẹ ruột để sinh sống, theo bà H. khai cuộc sống vẫn ổn định, các con vẫn đi học bình thường nên cần tiếp tục giao con cho bà H. trực tiếp nuôi dưỡng . Về tài sản chung và nợ chung: hai bên xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H. thực hiện đúng quy định tại các Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H. đối với bị đơn ông Lương Văn P. có nơi cư trú tại Quận D nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu H. và ông Lương Văn P. phát sinh từ năm 2009 có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H. trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 do không còn hòa hợp nhau về mọi mặt, tính cách và quan điểm sống trái ngược nên hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Khi cải vã ông P. thường dùng những lời lẽ đuổi bà ra khỏi nhà, bà đã nhiều lần nhẫn nhịn cho qua nhưng thái độ của ông P. không thay đổi, thời gian qua nhận thấy hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà đã dẫn hai con về nhà mẹ ruột để sống từ tháng 3/2019 đến nay. Nay bà xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Lương Văn P..

Phía bị đơn ông Lương Văn P. trình bày, ông thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng hai bên có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng phải ly hôn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng. Ông cũng xác nhận từ tháng 3/2019 đến nay bà H. đã dẫn 2 con về nhà Ngoại để sống. Nay bà H. xin ly hôn ông không đồng ý do hai con còn nhỏ ông muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để nuôi dạy hai con.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ tH. yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vun đắp cho cuộc sống gia đình. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng bà H., ông P. hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ, tuy nhiên, ông P. không thể hiện được mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng xây dựng gia đình hạnh phúc nuôi dạy hai con trưởng thành, cụ

thể khi Tòa án mời đến hòa giải thì ông P. chỉ có mặt một lần nêu ý kiến không đồng ý ly hôn vì cho rằng cuộc sống gia đình giữa hai bên chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhưng ông không trình bày cụ thể là mâu thuẫn gì cũng không có đưa ra được P. án, biện pháp hòa giải, hàn gắn lại về chung sống với nhau, lý do ông không đồng ý ly hôn là vì hai con còn nhỏ nhưng thực tế từ tháng 3/2019 đến nay bà H. và ông P. sống ly thân, ông cũng không đến thăm con. Sau đó Tòa án đã hai lần mời các bên đến hòa giải nhưng ông P. đều vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay ông P. vắng mặt đến lần thứ 2. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

[5]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H. yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Lương Thanh N., sinh ngày 18/6/2009, Lương Vũ Thùy V., sinh ngày 03/5/2013 cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông P. cấp dưỡng nuôi con. Ông P. cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà H. cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: từ tháng 3/2019 đến nay hai trẻ Lương Thanh N. và Lương Vũ Thùy V. được bà H. đưa về quận B. sống cùng bà và bà ngoại, hiện nay hai cháu đang học lớp 1 và lớp 5 Trường tiểu học Châu Văn Liêm, Quận D, hàng ngày bà H. vẫn chở các con qua nhà ông P. để các con thay đồ đi học và đưa các con đến trường, buổi chiều bà H. là người đến trường đón các con về. Bà H. hiện đang mua bán tại nhà có thu nhập ổn định và có thời gian đưa đón, chăm sóc các con. Đối với ông P. từ khi bà H. dẫn hai con về nhà mẹ ruột sống, ông không qua thăm con vì hàng ngày do bà H. vẫn chở các con đến nhà ông P. để chuẩn bị đưa các con đi học nên ông không cần đến thăm con. Lý do bà H. trình bày hàng ngày bà vẫn phải chở các con qua nhà ông P. thay đồ đi học vì ông P. cho rằng hai bên chưa ly hôn nên vẫn phải để như vậy. Ông P. không nộp cho Tòa tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin được nuôi con. Bản khai trình bày nguyện vọng của trẻ N. tại Tòa án ngày 04/9/2019 mong muốn được sống với mẹ. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay hai cháu N. và V. đang có môi trường sống ổn định cùng mẹ từ tháng 3/2019 đến nay, nguyện vọng của cháu mong muốn được sống với mẹ, xét thấy cần sự ổn định về môi trường sống và học tập cũng như sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ nên cần tiếp tục giao hai con chung cho bà H. trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh và toàn diện về tinh thần cho hai cháu, không làm xáo trộn việc học tập và sinh hoạt của hai cháu, ghi nhận sự tự nguyện của bà H. không yêu cầu ông P. cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H. là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H. và ông Lương Văn P.

(Giấy chứng nhận kết hôn số soá 03, quyển số 01, ngaøy 09/01/2009 do UBND xã Thạnh Yên, huyện U ., tỉnh K.cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao hai con chung Lương Thanh N., sinh ngày 18/6/2009, Lương Vũ Thùy V., sinh ngày 03/5/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu H. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà H. không yêu cầu ông P. cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lương Văn P. có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Nguyễn Thị Thu H..

Bà Nguyễn Thị Thu H. phải tạo mọi điều kiện cho ông Lương Văn P. khi đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con, khi cần thiết thì một hoặc cả hai bên đều có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông Lương Văn P. lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Thu H. có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Lương Văn P..

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu H. phải chịu; nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011300 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thu H. đã nộp đủ án phí.

5. Bà Nguyễn Thị Thu H. được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lương Văn P. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.6;
- CCTHADS Q.6;
- UBND xã Thạnh Yên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thu

HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA